



HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(Dành cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)

MỤC LỤC

LỜI TỰA	1
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG	2
I. KHÁI NIỆM VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG	2
1.1. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	2
1.2. CHỨNG CHỈ RỪNG	3
II. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	4
2.1. VAI TRÒ CỦA VIỆC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.2. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.3. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.4. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.5. TÀI LIỆU PHỤC VỤ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	5
2.6. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	6
2.7. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	6
2.8. SẢN PHẨM CỦA QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	8
CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT xây dựng PHƯƠNG ÁN QLRBV CHO NHÓM HỘ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG	9
MỞ ĐẦU	9
1. BỐI CẢNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	9
2. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHU VỰC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	9
PHẦN THỨ NHẤT: CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU SỬ DỤNG	9
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	9
II. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	11
PHẦN THỨ HAI: QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA NHÓM HỘ VÀ HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	12
I. QUY MÔ HIỆN TRẠNG HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA NHÓM HỘ	12
II. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	14
PHẦN THỨ BA: MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	18
I. MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	18
II. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	19
PHẦN THỨ TƯ: TỔ CHỨC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	29
I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	29
II. GIẢI PHÁP PHỐI HỢP THỰC HIỆN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	29

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	30
1. KẾT LUẬN.....	30
2. KHUYẾN NGHỊ	30
PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC BẢNG KÈM THEO	31
CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ	32
1. THỂ LOẠI VÀ MỤC ĐÍCH CỦA TỪNG LOẠI BẢN ĐỒ.....	32
1.1. BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG	32
1.2. BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT	32
1.3. CÁC BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ.....	32
1.4. BẢN ĐỒ HCV.....	33
2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC LOẠI BẢN ĐỒ	33
2.1. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG	33
2.2. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	36
2.3. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ (ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT, PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, DLST).....	38
2.4. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HCV.....	40
LỜI KẾT	44

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 01: Danh sách một số tài liệu, bản đồ cần thu thập	5
Bảng 02: Quy định tỷ lệ bản đồ	6
Bảng 03: Tổng hợp diện tích tham gia quản lý rừng bền vững.....	14
Bảng 04: Tổng hợp diện tích hiện trạng rừng trong khu vực	14
Bảng 06: Danh sách các loài thực vật có phân bố ở khu vực nhóm hộ	17
tham gia phương án.....	17
Bảng 07: Danh sách các loài động vật rừng chủ yếu có phân bố ở	17
khu vực nhóm hộ tham gia phương án	17
Bảng 08: Kết quả đánh giá khu vực là rừng có giá trị bảo tồn cao	20
Bảng 09: Kế hoạch trồng rừng.....	22
Bảng 10: Kế hoạch chăm sóc rừng trồng.....	23
Bảng 11: Diện tích rừng khai thác và sản lượng khai thác	24
Bảng 12: Phân tích chi phí và lợi nhuận	25
Bảng 13: Kế hoạch theo dõi đánh giá, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm	26
Bảng 14: Kế hoạch đào tạo, tập huấn	28
Bảng 15: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng rừng.....	33
Bảng 16: So Sánh Hệ Thống Phân Loại Rừng	34
Bảng 17: Cấu trúc trường thông tin bản đồ hiện trạng rừng	35
Bảng 18: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.....	36
Bảng 19: Cấu trúc các lớp thông tin chính	37
Bảng 20: So Sánh Loại Đất, Loại Rừng	37
Bảng 21: Tài liệu sử dụng xây dựng các bản đồ chuyên đề	38
Bảng 23: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ HCV	41
Bảng 24: Matrix tài liệu và HCV	42
Bảng 25: Cấu trúc trường thông tin bản đồ HCV.....	42

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 01: Trình tự các bước xây dựng Phương án QLRBV.....	7
Hình 02: Các cuộc họp giữa các hộ để hình thành nên nhóm hộ	12
Hình 03: Thảo luận về hiện trạng rừng của các hộ tham gia nhóm	15
Hình 04: Điều tra rừng	19
Hình 05: Trồng rừng.....	23
Hình 06: Khai thác gỗ rừng trồng	25
Hình 07: Giống cây trồng	27
Hình 08: Sơ đồ xây dựng các loại bản đồ	33
Hình 09: Bản đồ hiện trạng rừng, Ban QLRĐĐ Xuân Nha	36
Hình 10: Bản đồ phân bố thực vật quý hiếm, Ban QLRĐĐ,	40
Hình 11: Bản đồ HCV Công ty Lâm nghiệp Hà Nừng	43

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVR	Bảo vệ rừng
CITES	Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
CoC	Chuỗi hành trình sản phẩm
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
FM	Quản lý rừng
HCV	Giá trị bảo tồn cao
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
ITTO	Tổ chức gỗ nhiệt đới
IUCN	Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NĐCP	Nghị định chính phủ
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	Tài nguyên môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI TỰA

Dự án Tăng cường Quản lý Tài nguyên Thiên nhiên Bền vững (sau đây gọi là “Dự án”) được thực hiện nhằm nâng cao năng lực của chính quyền trung ương, cấp tỉnh và chủ rừng để thúc đẩy quản lý rừng bền vững (QLRBV) trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Dự án bao gồm 2 hợp phần, trong đó Hợp phần 1 hỗ trợ về lâm nghiệp và chính sách bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), còn Hợp phần 2 bao gồm các hoạt động liên quan đến QLRBV.

Dự án lựa chọn các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang làm địa điểm mục tiêu để thực hiện Hợp phần 2. Việc hỗ trợ 4 tỉnh mục tiêu về xây dựng và thực hiện Phương án QLRBV là một trong những nội dung chính của Dự án, trong đó hoạt động tổ chức hội thảo tập huấn được thiết kế để nâng cao năng lực của chủ rừng và các bên liên quan về xây dựng Phương án QLRBV. Để thực hiện nội dung này, Dự án tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn xây dựng Phương án QLRBV cho hai nhóm đối tượng là 1. Chủ rừng là tổ chức và 2. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Tài liệu hướng dẫn được biên soạn dựa trên nội dung của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (sau đây gọi là *Thông tư 28*).

Tài liệu hướng dẫn xây dựng Phương án QLRBV dành cho chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (sau đây gọi là chủ rừng nhóm 1) được bố cục theo 3 chương:

- CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG. Chương này cung cấp thông tin chung về QLRBV và chứng chỉ rừng, thông tin khái quát về quá trình xây dựng Phương án QLRBV.

- CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV CHO NHÓM HỘ GIA ĐÌNH, CỘNG ĐỒNG. Chương này tập trung hướng dẫn xây dựng từng nội dung của phương án theo Phụ lục III của Thông tư 28.

- CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ. Chương này làm rõ những điểm quan trọng liên quan tới quá trình xây dựng các loại bản đồ kèm theo Phương án QLRBV theo quy định của Thông tư 28.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

I. KHÁI NIỆM VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG

1.1. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

- Quản lý rừng bền vững là gì?

Khái niệm Quản lý rừng bền vững (QLRBV - Sustainable Forest Management) được phát triển nhằm giải quyết vấn đề của những tác động tiêu cực (đến môi trường và xã hội) của việc sử dụng tài nguyên rừng quá mức, nhu cầu ngày càng gia tăng của con người về các sản phẩm từ rừng, và yêu cầu bảo vệ tài nguyên rừng cho các thế hệ tương lai.

Trên thế giới, hai khái niệm sau đây về QLRBV được chấp nhận rộng rãi:

- Tổ chức Gỗ Nhiệt Đới Quốc tế (ITTO, 1992): QLRBV là quá trình quản lý những lâm phần rừng ổn định nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu quản lý đã được đề ra một cách rõ ràng như sản xuất liên tục các sản phẩm và dịch vụ rừng mà không làm suy giảm các giá trị vốn có và năng suất của rừng trong tương lai, đồng thời không tạo ra các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội.

- Tiến trình Helsinki (MCPFE, 1993): QLRBV là việc quản lý và sử dụng rừng và đất rừng theo cách thức và cường độ phù hợp để duy trì đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh và sức sống của rừng, và duy trì các chức năng kinh tế, sinh thái, xã hội của rừng ở hiện tại và tương lai ở các cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu mà không gây tổn hại đến các hệ sinh thái khác.

Ở Việt Nam, khái niệm về QLRBV được quy định tại Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: QLRBV là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.

Như vậy:

- QLRBV đã trở thành một nguyên tắc trong quản lý kinh doanh rừng đồng thời là một tiêu chuẩn mà việc quản lý kinh doanh rừng phải đạt tới.

- QLRBV vì thế không chỉ là một nhu cầu mà còn là một xu thế khách quan toàn cầu nhằm quản trị rừng lâu dài theo các hệ thống tiêu chuẩn quản lý rừng quốc tế.

- Tại sao phải QLRBV?

Đặc điểm của hệ sinh thái rừng và nghề rừng	Yêu cầu pháp lý, xã hội và thị trường
- Hệ sinh thái rừng có đa giá trị (cung cấp, điều tiết, văn hóa và hỗ trợ) - Đặc điểm phức tạp của hệ sinh thái rừng (cấu trúc, các yếu tố có sự tương tác và phụ thuộc qua lại, biến đổi theo thời gian) - Hệ sinh thái rừng có khả năng tự phục hồi tai tạo nhằm duy trì sự cân bằng thông qua quá trình tái sinh rừng. - Chu kỳ kinh doanh dài. - Nghề rừng có tính xã hội sâu sắc.	- Thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia (ILO, CBD, CITES, RAMSAR, VPA FLEGT,...) - Luật Lâm nghiệp 2017. - Kinh doanh rừng theo hướng đa mục tiêu (kinh tế, xã hội, môi trường) - Thị trường yêu cầu chuẩn hóa theo tiêu chuẩn hướng tới mục tiêu: minh bạch, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội (Ví dụ: các nước tiêu thụ sản phẩm gỗ chính của Việt Nam như Mỹ, Châu Âu cấm nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ)

- Hạ tầng lâm nghiệp khó khăn. - Đất và tài nguyên rừng rất dễ bị suy thoái - Mong muốn quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng lâu dài, ổn định và tăng thu nhập từ rừng	không có chứng chỉ) - Tiếp cận thị trường và giá bán gỗ
---	--

1.2. CHỨNG CHỈ RỪNG

Các loại quy định/tiêu chuẩn QLRBV

Hệ thống quy định QLRBV không gắn với thị trường	Hệ thống tiêu chuẩn QLRBV gắn với thị trường (có cấp chứng chỉ)
- ITTO (Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế) - MCPFE (Quản lý rừng Châu Âu) - Montreal (tiến trình tại Hội nghị Montreal) - Quy định pháp luật của mỗi quốc gia - VPA FLEGT	- FSC (Forest Stewardship Council - của Hội đồng quản trị rừng) gồm: 10 nguyên tắc, 62 tiêu chí, 179 chỉ số - PEFC (Programme for Endorsement of Forest Certification Schemes - Chương trình phê duyệt quy trình chứng chỉ rừng) gồm: 7 nguyên tắc và 69 tiêu chí

Về khái niệm: Chứng chỉ rừng có thể được định nghĩa là một hệ thống tự nguyện được thực thi bởi bên thứ ba độc lập (gọi là đơn vị cấp chứng chỉ) nhằm đánh giá việc thực thi quản lý rừng của chủ rừng so với một tập hợp các yêu cầu đã được xác định (một bộ tiêu chuẩn).

Về hình thức: Chứng chỉ là một văn bản xác nhận rằng một sản phẩm/dịch vụ rừng tuân thủ các yêu cầu theo một bộ tiêu chuẩn quản lý rừng cụ thể

Ở Việt Nam, theo khoản 20, Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: Chứng chỉ QLRBV là văn bản công nhận một diện tích rừng nhất định đáp ứng các tiêu chí về QLRBV.

- Tại sao lại cần chứng chỉ rừng?

Ngày nay toàn thế giới ngày càng quan tâm đến tình trạng diện tích và chất lượng rừng ngày một suy giảm, ảnh hưởng lớn đến môi trường sống và khả năng cung cấp sản phẩm rừng cho phát triển bền vững cũng như nhu cầu hàng ngày của người dân.

Vấn đề cần được giải quyết là làm thế nào quản lý kinh doanh rừng phải vừa đảm bảo tốt lợi ích kinh tế, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho các cộng đồng dân cư sống trong và gần rừng, vừa không gây tác động xấu đến môi trường sống, tức là thực hiện được QLRBV và nó được công nhận bằng chứng chỉ quản lý rừng.

Cộng đồng quốc tế, các chính phủ, các tổ chức môi trường, xã hội,... đòi hỏi các chủ sản xuất kinh doanh rừng phải chứng minh rằng rừng của họ được quản lý bền bền vững, đây là yêu cầu về mặt pháp lý.

Người tiêu dùng sản phẩm từ rừng đòi hỏi có minh chứng rằng các sản phẩm lưu thông trên thị trường phải được khai thác từ rừng đã được quản lý bền vững, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đây là yêu cầu của thị trường và thị yếu của khách hàng.

- Có những loại chứng chỉ rừng nào?

Có hai loại chứng chỉ dùng cho các khu rừng đạt tiêu chuẩn QLRBV và các sản phẩm lâm nghiệp được chế biến, hình thành từ nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ?

Chứng chỉ quản lý rừng (Chứng chỉ FM)	Chứng chỉ Chuỗi hành trình sản phẩm (Chứng chỉ CoC)
Là chứng nhận cấp cho một hoặc các khu rừng xác định đã tuân thủ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu liên quan đến các tiêu chuẩn QLRBV về môi trường, kinh tế và xã hội từ lúc trồng, quản lý đến khâu khai thác.	Là giấy chứng nhận cấp cho các tổ chức đã chứng minh được các sản phẩm chế biến từ gỗ được giao dịch từ các nguồn đã được cấp chứng chỉ, các sản phẩm này có thể sử dụng nhãn và dấu chứng nhận của tổ chức Chứng nhận

II. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

2.1. VAI TRÒ CỦA VIỆC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

Xây dựng Phương án QLRBV đặc biệt quan trọng trong lâm nghiệp, bất kể cho rừng tự nhiên hay rừng trồng, vì chu kỳ kinh doanh rất dài.

Xây dựng Phương án QLRBV là việc tổ chức, bố trí không gian và thời gian cho các hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của hộ, nhóm hộ hoặc cộng đồng nhằm đảm bảo tính bền vững.

Phương án QLRBV là một trong những điều kiện bắt buộc để được cấp chứng chỉ rừng.

2.2. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV

- Việc xây dựng Phương án QLRBV đối với chủ rừng nhóm 1 là hoàn toàn tự nguyện, không bắt buộc;
- Chủ rừng nhóm 1 có trách nhiệm tổ chức xây dựng Phương án QLRBV cho diện tích rừng mình quản lý;
- Chủ rừng nhóm 1 có thể thuê đơn vị hoặc chuyên gia tư vấn để xây dựng phương án.

2.3. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV

Theo Khoản 3, Điều 3, Chương I của Thông tư 28, thời gian thực hiện phương án QLRBV tối đa là 10 năm kể từ ngày phương án được phê duyệt.

Trường hợp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh diện tích rừng, đất lâm nghiệp có ảnh hưởng đến mục đích sử dụng của khu rừng hoặc khi chủ rừng có nhu cầu thay đổi kế hoạch quản lý, sản xuất, kinh doanh chủ rừng phải điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững, và tự phê duyệt đối với những nội dung điều chỉnh.

2.4. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV

Theo Khoản 2, Điều 12, Chương III của Thông tư 28, Phương án QLRBV của chủ rừng nhóm 1 thì chủ rừng tự phê duyệt phương án.

Trong trường hợp, chủ rừng là các hộ gia đình, nhóm hộ gia đình, cộng đồng chưa được nhà nước giao quyền sử dụng nhưng được UBND cấp xã giao khoán quản lý sử dụng lâu dài thì UBND cấp xã phê duyệt Phương án QLRBV.